

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 113/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 4 - 2026

V/v ly hôn và tranh chấp về con
chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lý

Bà Ngô Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1
– Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Hải Phòng tham gia phiên
tòa:** Ông Phạm Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 294/2025/TLST - HNGĐ, ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2026/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; Căn cước công dân số: 031185016044; nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường L, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986; Căn cước công dân số: 031086012248; nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường L, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa, song tại đơn khởi kiện và B tự khai cùng các lời khai tại Tòa án, chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng (nay là phường L, thành phố Hải Phòng) vào năm 2014, sau khi kết hôn vợ chồng về ăn ở thôn G, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng (nay là tổ dân phố C, phường L, thành phố Hải Phòng) được đến cuối năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hoà hợp, anh Đ thiếu quan tâm chăm sóc gia đình, ham chơi bời phá tán tài sản về nhà thường xuyên chửi bới, đánh đập chị do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân, Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng sinh được 02 con chung Nguyễn Gia H, sinh ngày 26/12/2013 và Nguyễn Minh D, sinh ngày 26/11/2021. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay hai con chung sống cùng chị T khi ly hôn nguyện vọng của chị T được tiếp tục nuôi 02 con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để chị và anh Đ tự thoả thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên toà, không có ý kiến gì về việc chị T xin ly hôn, Toà án đã tiến hành đến tận gia đình anh T để tổng đạt, anh T đã nhận các văn bản của Toà án song từ chối khai báo và từ chối ký nhận tất cả các văn bản của Toà án. Do vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn Đ.

Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa sơ thẩm hôm nay. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán, đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định về ra Thông báo thụ lý vụ án, bảo đảm về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc lập hồ sơ vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, việc giao nộp và yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ, xác minh, cấp tổng đạt và tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã đảm bảo tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Gia H, sinh ngày 26/12/2013 và Nguyễn Minh D, sinh ngày 26/11/2021, cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T trình bày đề hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên kiểm sát viên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt không có quan điểm về tài sản chung, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung trong vụ án này.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết

Chị Nguyễn Thị T có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn Đ hiện đang cư trú tại tổ dân phố C, phường L, thành phố Hải Phòng. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa, song có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ song vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân

Xét, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng (nay là phường L, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2014, đăng ký ngày 14 tháng 02 năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của đương sự và tài liệu xác minh tại gia đình cùng chính quyền địa phương nơi cư trú thể hiện: Chị T và anh Đ trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn bất đồng quan điểm, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hoà hợp, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều từ năm 2025 đến nay vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm nhau. Nay chị T đề nghị được ly hôn anh Đ, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt không có quan điểm về việc chị T yêu cầu xin ly hôn. Hội đồng xét xử, xét: Trong quan hệ hôn nhân vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau để chăm lo gia đình, chăm sóc các con. Tuy nhiên, thực tế do mâu thuẫn nên chị T và anh Đ đã không còn chung sống cùng nhau. Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

[4] Về con chung

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ trong quá trình chung sống có 02 con chung được đăng ký khai sinh hợp pháp con chung Nguyễn Gia H, sinh ngày 26/12/2013 và Nguyễn Minh D, sinh ngày 26/11/2021. Khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi con. Bị đơn, anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung khi ly hôn. Hội đồng xét xử, xét: Kể từ khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, chị T và anh Đ sống ly thân nhau, trong quá trình giải quyết vụ án chị T xuất trình cho Tòa án các chứng cứ chứng minh về việc chị T có điều kiện kinh tế và nơi ăn ở ổn định, ngoài ra các con chung trên 7 tuổi có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ là chị T. Anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến thời điểm mở phiên tòa không có ý kiến gì về con

chung. Do vậy để ổn định cuộc sống, học tập của con chung, để đảm bảo nghĩa vụ, quyền lợi của cha mẹ đối với con cái, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T trình bày để chị và anh Nguyễn Văn Đ tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung

Chị Nguyễn Thị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt chưa có quan điểm trình bày về tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.
2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Gia H, sinh ngày 26/12/2013 và Nguyễn Minh D, sinh ngày 26/11/2021, cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T trình bày để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên kiểm sát viên không đề cập giải quyết.

4. Về tài sản chung: Đương sự không có yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

5. Về án phí: Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng ký hiệu: BLTU/25E tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND Khu vực 1 – Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Lê Ích Mộc, TP. Hải Phòng;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Cảnh Nguyễn Thị Lương

Đinh Thị Mến

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 30 tháng 9 năm 2024

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị M.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị L.

2. Ông Hoàng Đức C.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 250/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị H1; nơi cư trú: Thôn B, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn*: Anh Đỗ Trọng T1; nơi cư trú: Tổ dân phố Q, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ
CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

- Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3

- Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Cho chị Vũ Thị H2 ly hôn với anh Đỗ Trọng T1.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

[2] Về con chung:

Giao cho chị Vũ Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên Đỗ Nhật M1, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2013 và Đỗ Ngọc L1, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2018

đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

[5] Về án phí

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Chị Vũ Thị H1 phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0010048 ngày 08/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), chị Vũ Thị H1 đã nộp đủ án phí.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

[6] Về quyền kháng cáo

Chị Vũ Thị H1, anh Đỗ Trọng T2 quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Cảnh Nguyễn Thị Lương

Đinh Thị Mến

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

Vào hồi giờ phút, ngày 23 tháng 9 năm 2024

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị M

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đức C

2. Bà Nguyễn Thị L

Tiến hành thảo luận về sự vắng mặt của đương sự trong vụ án dân sự thụ lý số 250/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị H1; nơi cư trú: Thôn B, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn*: Anh Đỗ Trọng T1; nơi cư trú: Tổ dân phố Q, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

- Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

- Về nội dung: Hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm nêu trên.

Thời gian mở lại phiên tòa được ấn định như sau: Phiên tòa dân sự sẽ được mở vào hồi giờ phút ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Thảo luận kết thúc vào hồi giờ phút, cùng ngày

Biên bản thảo luận đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Cảnh Nguyễn Thị Lương

Đinh Thị Mến

